

Số: 05/QĐ-BHHK-HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Quy chế Quản trị
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 24/2000/QH10 được Quốc hội khóa 10 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 09/12/2000 và Luật số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về sửa đổi bổ sung Luật kinh doanh Bảo hiểm năm 2000;
- Căn cứ Nghị định 45/2007/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 27/03/2007 về việc quy định một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;
- Căn cứ Thông tư số 124/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 30/07/2012 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007;
- Căn cứ Giấy phép số 49/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 23/4/2008 về việc thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI);
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 28/06/2013;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị VNI (HĐQT) ban hành theo Nghị quyết số 25/2012/NQ-HĐQT ngày 22/11/2012;
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT VNI số 01/2015/NQ-HĐQT ngày 20/01/2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Lãnh đạo Văn phòng Công ty/Ban/Chi nhánh có liên quan thuộc VNI chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK-TH



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG



QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hà Nội, tháng năm 2015

Mục lục

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	1
Điều 3. Nguyên tắc quản trị của Công ty.....	2
Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	2
Chương II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	2
Điều 5. Quyền của cổ đông.....	2
Điều 6. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn.....	3
Điều 7. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	4
Điều 8. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường.....	4
Chương III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ... 6	6
Điều 9. Thành phần Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 11. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	9
Điều 14. Hợp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 15. Các uỷ ban của Hội đồng quản trị	11
Điều 16. Giúp việc cho Hội đồng Quản trị	12
Điều 17. Thủ lao của Hội đồng quản trị.....	12
Chương IV: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT..... 12	12
Điều 18. Thành phần Ban kiểm soát	13
Điều 19. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	12
Điều 20. Tư cách thành viên Ban kiểm soát	13
Điều 21. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát	14
Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	14
Điều 23. Thủ lao của Ban kiểm soát	14
Chương V: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....15	15
Điều 24. Cán bộ quản lý.....	15
Điều 25. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	15

Chương VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.....	17
Điều 26. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	17
Điều 27. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	19
Điều 28. Mối quan hệ giữa Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.....	19
Chương VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY	19
Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác	19
Điều 30. Giao dịch với người có liên quan	21
Điều 31. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty.....	22
Chương VIII: ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
Điều 32. Đào tạo về quản trị công ty	22
Chương IX: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH	21
Điều 33. Nghĩa vụ công bố thông tin	22
Điều 34. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty	22
Điều 35. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc	22
Chương X: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT.....	22
Điều 36. Báo cáo.....	23
Điều 37. Giám sát.....	23
Chương XI: SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY	23
Điều 38. Sửa đổi Quy chế quản trị công ty	23
Chương XII: NGÀY HIỆU LỰC	23
Điều 39. Ngày hiệu lực	23



QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-BHHK-HĐQT
ngày 20 tháng 01 năm 2015 của HĐQT Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị, điều hành Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI) nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty; làm cơ sở đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty.

2. Quy chế này được áp dụng đối với toàn bộ cán bộ, nhân viên và trong mọi hoạt động của VNI.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Quy ước viết tắt:

a) “Công ty/VNI” là Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không - Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2008;

b) “ĐHĐCD”: Đại hội đồng Cổ đông;

c) “HĐQT”: Hội đồng quản trị;

d) “BKS”: Ban Kiểm soát;

e) “BTGD”: Ban Tổng Giám đốc;

f) “Điều lệ VNI/Điều lệ Công ty”: Điều lệ Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

2. Giải thích thuật ngữ:

a) “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

b) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán năm 2006;

c) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

d) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

- Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của các công ty con, công ty liên kết, công ty do VNI nắm quyền kiểm soát;

- Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Công ty;

- Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong hai (02) năm gần nhất;

- Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu của Công ty trong hai (02) năm gần nhất.

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công ty

1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị, điều hành hiệu quả;
2. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông ;
3. Đối xử công bằng đối với cổ đông;
4. Ngăn ngừa xung đột lợi ích;
5. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
6. Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
7. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
8. Tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền của cổ đông

1. Quyền được đối xử bình đẳng giữa các cổ đông

Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp, Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Cổ đông phổ thông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ VNI, đặc biệt là:

a) Tham gia và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;

f) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể, phá sản được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 90 của Luật Doanh nghiệp;

k) Quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán;

l) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

m) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

3. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới VNI, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phải đền bù cho VNI theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.¹

Điều 6. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

1. Hội đồng quản trị của công ty xây dựng một cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.²

¹ Khoản 2 Điều 3 TT 121/2012/TT-BTC

² Điều 4 TT 121/2012/TT-BTC

Điều 7. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Hội đồng quản trị VNI có trách nhiệm ban hành các Quy chế nội bộ cần thiết phục vụ mục tiêu quản trị Công ty theo quy định của pháp luật, Quy chế này và nhu cầu quản lý công ty.

Điều 8. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường ít nhất mỗi năm 01 (một) lần, địa điểm họp ĐHĐCĐ phải trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp trong vòng 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Công ty xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử các quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:³

- a) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- c) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- d) Cách thức bỏ phiếu;
- đ) Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty đại chúng phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
- e) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- g) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- h) Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;
- i) Thông báo quyết định Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;
- k) Các vấn đề khác

3. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu năm (05) ngày trước ngày chốt danh sách.⁴

4. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính. Báo cáo này gồm những nội dung sau:⁵
 - Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
 - Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

³ Khoản 1 Điều 6 TT 121/2012/TT-BTC

⁴ Khoản 2 Điều 6 TT 121/2012/TT-BTC

⁵ Điều 7 TT 121/2012/TT-BTC

- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc⁶

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

d) Phương án phân phối lợi nhuận

đ) Các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ VNI và pháp luật.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ VNI.

6. Các thức triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ VNI. Đại hội đồng cổ đông bất thường thảo luận và thông qua các vấn đề nêu tại Khoản 1 Điều 15 Điều lệ VNI.

7. Triệu tập họp ĐHĐCĐ, chương trình và thông báo họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ VNI.

8. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ, thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, thông qua quyết định của ĐHĐCĐ, thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ, Biên bản họp ĐHĐCĐ và yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 19, 20, 21, 22, 23 và Điều 24 Điều lệ VNI.

9. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;

Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp, bằng một trong các cách thức: Chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện hoặc gửi qua fax hoặc gửi qua thư điện tử tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông với điều kiện đảm bảo cổ đông có thể nhận được hoặc công bố trên website của Công ty đồng thời phải công bố thông tin thông qua Sở giao dịch chứng khoán.

10. Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

⁶ Điều 8 TT 121/2012/TT-BTC

11. HĐQT sắp xếp chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ một cách hợp lý, bố trí thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ.

12. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền vào các cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông có thể ủy quyền cho HĐQT hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

13. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề kiểm toán.

14. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp ĐHĐCĐ, Công ty sẽ cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất.

Chương III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Thành phần Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty có từ 5 (năm) đến 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và/hoặc độc lập phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật kinh doanh Bảo hiểm.

Điều 10. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị⁷

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu 07 (bảy) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VNI để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác ;

⁷ Điều 9 TT 121/2012/TT-BTC và các quy định khác có liên quan

Handwritten mark

- Tên Công ty mà ứng viên đang nắm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan đến Công ty (nếu có);
- Các Thông tin khác (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức để Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 104 Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức dồn phiếu.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
- đ) Thành viên đó bị bãi/miễn nhiệm không còn là thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm

thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 11. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ của VNI. Cụ thể như sau:

a) Không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

b) Không phải là người đã từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị toà án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật.

c) Chưa từng là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bảo hiểm đã bị phá sản (trừ trường hợp phá sản vì lý do bất khả kháng), chi nhánh nước ngoài đã bị mất khả năng thanh toán, hoặc là người quản lý điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bị thu hồi Giấy phép hoạt động do vi phạm trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

d) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

đ) Trong ba (03) năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm là người quản trị:

e) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với hình thức bị buộc bãi nhiệm chức danh quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính phê chuẩn hoặc buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm;

f) Không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ về khai thác, giám định, bồi thường, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và đầu tư, quản lý chương trình tái bảo hiểm trong doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoặc quy trình nghiệp vụ môi giới bảo hiểm, kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

g) Tại thời điểm được bổ nhiệm là người quản trị doanh nghiệp bảo hiểm, không trực tiếp liên quan đến vụ án đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật.

h) Và các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị VNI không được tham gia quản trị điều hành tại một công ty bảo hiểm khác.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 12. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị⁸

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ VNI, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các Đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị (trừ trường hợp có lý do chính đáng phải thông báo cho Chủ tịch HĐQT) và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.

5. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.

6. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị⁹

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty. Công ty chịu trách nhiệm xây dựng cơ cấu, quy chế quản trị đảm bảo Hội đồng quản trị có thể thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

4. Hội đồng quản trị xây dựng và ban hành quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị gồm các nội dung chủ yếu sau (ngoại trừ trường hợp Điều lệ VNI đã có quy định):

a) Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm;

⁸ Điều 13 TT 121/2012/TT-BTC

⁹ Điều 14 TT 121/2012/TT-BTC

- Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của các cổ đông, nhóm cổ đông có đủ tiêu chuẩn đề cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

b) Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

- Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan, và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp...);
- Điều kiện hiệu lực của cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Cách thức biểu quyết;
- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;
- Thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị;
- Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị xây dựng và ban hành quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát, gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:
- Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
 - Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
 - Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
 - Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
 - Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.
- b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, BKS và Ban Tổng giám đốc:
- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.
 - Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.
 - Các trường hợp Tổng giám đốc điều hành và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Ban Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
 - Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc.
 - Các vấn đề Ban Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nói trên.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.

7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 8 Quy chế này và các báo cáo khác được quy định tại Điều lệ VNI.

Điều 14. Hợp Hội đồng quản trị¹⁰

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng quy định tại Điều 28 Điều lệ VNI và Quy chế tổ chức Hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 15. Các ủy ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các Ủy ban trực thuộc. Thành viên của Ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, các Ủy ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.

Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các Ủy ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của Ủy ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Ủy ban và (b) nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của các Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của Ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ của các ủy ban và trách nhiệm của từng thành viên.

3. Trường hợp không thành lập các Ủy ban thì Hội đồng quản trị cử các thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.

Điều 16. Giúp việc cho Hội đồng Quản trị

1. Ngoài các Ủy ban giúp việc theo quy định tại điều này, Hội đồng quản trị sử dụng cơ quan giúp việc gồm các Ban tham mưu, nghiệp vụ của Công ty và có một cơ quan giúp việc riêng là Ban Thư ký tổng hợp.

2. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ, những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm

¹⁰ Điều 15 TT 121/2012/TT-BTC

Thư ký Công ty khi cần nhưng không được trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.

3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty được quy định cụ thể tại Điều 31 của Điều lệ Công ty.

4. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và của Điều lệ.

Điều 17. Thù lao của Hội đồng quản trị

1. Thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và công bố theo quy định.

2. Thù lao của Hội đồng quản trị được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm.

3. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị làm kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành thì thù lao bao gồm lương của Tổng giám đốc điều hành và các khoản thù lao khác.

4. Thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán cho các thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

Chương IV

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên.

2. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Ban Kiểm soát bầu ra Trưởng ban; Trưởng ban có các quyền hạn và trách nhiệm như sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban Kiểm soát;
- b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan cho Ban Kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

3. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
- b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c) Thành viên đó không còn năng lực hành vi và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát¹¹

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 10 Quy chế này.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 20. Tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu.
2. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát.
3. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán
4. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
5. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các điều kiện có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát¹²

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

¹¹ Điều 17 TT 121/2012/TT-BTC

¹² Điều 20 TT 121/2012/TT-BTC và Khoản 3 điều 36 Điều lệ VNI

2. Công ty xây dựng cơ chế đảm bảo thành viên Ban Kiểm soát có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát¹³

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của thành viên Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.

2. Ban kiểm soát họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát đối với các nghị quyết của Ban kiểm soát.

3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

Điều 23. Thù lao của Ban kiểm soát

1. Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

2. Việc tính số thù lao mà các thành viên Ban kiểm soát được hưởng phải rõ ràng, minh bạch và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên của Ban Kiểm soát cũng được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Tổng số thù lao thanh toán cho Ban kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của công ty và cho cổ đông.

¹³ Điều 21 TT 121/2012/TT-BTC

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 24. Cán bộ quản lý

1. Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có 01 (một) Tổng giám đốc và một số Phó tổng giám đốc và 01 (một) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.

Điều 25. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc ký hợp đồng thuê một người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng Giám đốc. Trường hợp thuê Tổng Giám đốc, trong hợp đồng thuê phải quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc tối đa ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Tổng giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này (những người vi phạm pháp luật, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản);

b) Các tiêu chuẩn đối với Tổng Giám đốc công ty bảo hiểm phi nhân thọ quy định tại Luật Kinh doanh Bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành;

c) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Tổng giám đốc phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm, trường hợp vắng mặt trên ba mươi (30) ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho 01 (một) Phó Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ này để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật.

Tổng giám đốc Công ty không được đồng thời làm Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều 30 Điều lệ VNI.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của Tổng Giám đốc trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Chương VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 26. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị được quyền ký hợp đồng thuê người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 Nghị định 45/2007/NĐ ngày 27 tháng 03 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và tại Điều 26, Mục 3, Chương II, Thông tư 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thi hành Nghị định 45/2007/NĐ và Nghị định số 123/2011/NĐ-CP của Chính phủ để tuyển chọn, bổ nhiệm Tổng giám đốc. Trong mọi trường hợp, Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về toàn bộ hoạt động của Công ty, là người có trách nhiệm xây dựng bộ máy tổ chức, nhân sự, kế hoạch sản xuất kinh doanh ... trình Hội đồng quản trị phê duyệt và triển khai thực hiện.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan nêu tại Khoản 5 Điều 13 của Quy chế này, tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hàng tháng, Tổng giám đốc có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị. Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị nếu có yêu cầu, Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền báo cáo trước Hội đồng quản trị nội dung các tờ trình và các kiến nghị để Hội đồng quản trị xem xét cho ý kiến phê duyệt (thông qua) hay không phê duyệt (không thông qua) để triển khai thực hiện.

Trường hợp trong quá trình thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị mà phát hiện thấy có những vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với Chủ tịch Hội đồng quản trị để điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định cho phù hợp. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

Đối với những Nghị quyết, Quyết định trái pháp luật thì Tổng Giám đốc được quyền thực hiện theo pháp luật nhưng phải báo cáo với Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng văn bản, sau đó mới thực hiện.

3. Tổng Giám đốc chủ động quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định phân cấp được Hội đồng quản trị ban hành. Trong trường hợp khẩn cấp như: Thiên tai, hoả hoạn, sự cố... Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình và phải chịu trách nhiệm về những vấn đề quyết định đó, đồng thời phải báo ngay cho Hội đồng quản trị và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

4. Tổng giám đốc phải thường xuyên có mặt tại trụ sở Công ty (trừ trường hợp có lý do chính đáng) để giải quyết các công việc hàng ngày. Trường hợp vắng mặt trên 01 (một) ngày trở lên, Tổng Giám đốc phải có giấy ủy quyền bằng văn bản và văn bản bàn giao cho cấp phó giải quyết các công việc trong thời gian vắng mặt và chịu hoàn toàn trách nhiệm về sự ủy quyền đó. Trường hợp vắng mặt từ 03 (ba) ngày trở lên, Tổng Giám đốc phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị lý do vắng mặt.

5. Hàng tháng, quý, sáu tháng và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, kiến nghị những vấn đề cần giải quyết ngay (nếu có) và kế hoạch hoạt động trong thời gian tới của Công ty cho Hội đồng quản trị (chậm nhất là 15 ngày sau tháng, quý phải báo cáo).

6. Báo cáo đột xuất: Khi có sự cố xảy ra hoặc nhận thấy có biến động bất thường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm phải báo cáo ngay bằng các phương tiện thông tin nhanh nhất để Hội đồng quản trị kịp thời xử lý.

7. Các cuộc họp và đàm phán ký kết hợp đồng liên quan đến trách nhiệm của Hội đồng quản trị hoặc phải trình Hội đồng quản trị quyết định thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để xin ý kiến chỉ đạo.

8. Các cuộc họp do cơ quan liên quan mời Công ty (trừ những trường hợp mời đích danh) thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Những cuộc họp đặc biệt quan trọng có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, định hướng phát triển ngành bảo hiểm hoặc xử lý những vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể tham dự thì ủy quyền cho Tổng Giám đốc dự sau đó báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị nội dung, kết luận cuộc họp.

9. Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo mọi điều kiện, kể cả các nguồn lực để thành viên Hội đồng quản trị thực hiện được nhiệm vụ của mình.

10. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế, qui định nội bộ khác và Hợp đồng lao động đã ký với HĐQT.

Điều 27. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS

1. HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS để thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ VNI và quy định của Pháp luật.

2. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với thành viên HĐQT. Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Thành viên BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh, Văn phòng khu vực và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.

4. HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của BKS.

5. Tất cả các Nghị quyết; Quyết định và các văn bản có tính chất quản trị chung do HĐQT ban hành đều được gửi đến các thành viên BKS.

6. HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp theo dõi, chỉ đạo quá trình chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra, kê cả những sai phạm của HĐQT và các thành viên HĐQT (nếu có).

Điều 28. Mối quan hệ giữa Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu và tạo mọi điều kiện cần thiết để Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Chương VII

**NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH
VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY**

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị những hợp đồng giữa công ty với chính thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi

ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

7. Công ty có trách nhiệm ban hành Quy chế khen thưởng, kỷ luật đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá.
- b) Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật
- c) Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật.
- d) Tổ chức thực hiện.

Điều 30. Giao dịch với người có liên quan ¹⁴

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty niêm yết phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

2. Công ty phải áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.

3. Công ty phải áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 31. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty¹⁵

1. Công ty tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.

2. Công ty hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

¹⁴ Điều 24 TT 121/2012/TT-BTC

¹⁵ Điều 25 TT 121/2012/TT-BTC

3. Công ty quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của công ty.

Chương VIII

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 32. Đào tạo về quản trị công ty¹⁶

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc công ty cần tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị công ty do các cơ sở đào tạo về quản trị công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

Kinh phí đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo của VNI.

Chương IX

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 33. Nghĩa vụ công bố thông tin¹⁷

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế công bố thông tin của công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 34. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- b) Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành;
- d) Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị;
- e) Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty;

¹⁶ Điều 34 TT 121/2012/TT-BTC

¹⁷ Điều 26 TT 121/2012/TT-BTC

f) Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc điều hành và thành viên Ban kiểm soát;

g) Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;

h) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;

i) Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.

Điều 35. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian ba (03) năm trước.

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Chương X

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT

Điều 36. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, các công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế này với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Giám sát

Công ty, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông công ty chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Chương XI

SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 38. Sửa đổi Quy chế quản trị công ty

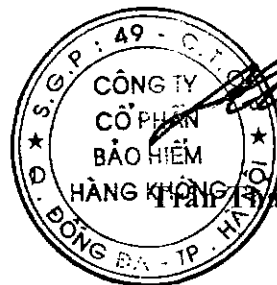
1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này được Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty

Chương XII
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 39. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 12 chương 39 điều, được Hội đồng quản trị Công ty nhất trí thông qua ngày 20 tháng 01 năm 2015 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của VNI.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ (một nửa) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Hiền